

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 40

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA-Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

### **CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Cựu

Chủ tịch

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Tốt

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2015, trình bày từ trang 07 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ****Hạn chế về phạm vi kiểm toán**

Tại ngày 31/12/2014, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 20.315.625.000 đồng. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc cao hơn mệnh giá số tiền 8.796.875.000 đồng chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá. Chúng tôi không thu thập được các thông tin so sánh cần thiết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và cũng không thu thập được Báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư của khoản đầu tư dài hạn số tiền 20.315.625.000 đồng để làm cơ sở đánh giá giá trị của các khoản đầu tư dài hạn này của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như phần (tỷ lệ) sở hữu của Công ty trong tổng số vốn góp của các bên trong Công ty nhận đầu tư.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)*

#### *Hạn chế về phạm vi kiểm toán (tiếp)*

Do các hạn chế nêu trên, Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc chưa xem xét trích lập dự phòng của các khoản mục đầu tư dài hạn cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Đồng thời chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đánh giá về hạn mức đầu tư theo quy định hiện hành.

#### *Hạn chế do vấn đề về tuân thủ quy định pháp luật*

Tại ngày 31/12/2014, giá trị đầu tư dài hạn của Công ty vào các công ty chưa niêm yết là: 103.455.125.000 đồng, chiếm 27,81% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2014 và phần lớn phát sinh trước năm 2014. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập Công ty Chứng khoán ("Thông tư 210"), Công ty Chứng khoán không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết. Theo đó, giá trị vượt mức đầu tư theo quy định với số tiền 29.047.048.180 đồng.

Tại 31/12/2014, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB là 63.245.581.110 đồng, giá trị ủy thác đầu tư cho các cá nhân với tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết mã STB số tiền: 174.966.816.994 đồng. Theo đó, tổng giá trị các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 238.212.398.104 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản Công ty tự đầu tư số tiền 9.608.376.514 đồng, tổng giá trị đầu tư thuần số tiền 228.604.021.590 đồng, chiếm 61,45% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2014. Bên cạnh đó, Công ty ủy thác đầu tư cho một số cá nhân với tài sản đảm bảo là các cổ phiếu khác với số tiền 12.059.719.500 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trong năm 2014, Công ty ngừng ký mới hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán, tuy nhiên số dư phải thu khách hàng của hoạt động này tại ngày 01/01/2014 là 343.999.679.302 đồng. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện thu hồi toàn bộ số dư này. Tuy nhiên, doanh thu và chi phí của các hợp đồng từ năm 2013 vẫn còn phát sinh với số tiền tương ứng là: 15.805.292.065 đồng và 13.704.801.370 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31/12/2014, giá trị đầu tư của Công ty vào Căn hộ Hoàng Anh Gia Lai số tiền 3.514.818.000 đồng. Giá trị đầu tư này phát sinh từ năm 2009, Công ty đã có kế hoạch thu hồi tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được. Hoạt động đầu tư này không được phép thực hiện theo quy định của Thông tư 210.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)


#### *Hạn chế do vấn đề về tuân thủ quy định pháp luật (tiếp)*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đang được lập trên giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, giả định này có thể bị thay đổi. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ


Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



  
Phan Thanh Điền  
Giám đốc  
Giấy CNDKHNKT  
số 1496-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**  
TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015.

  
Nguyễn Xuân Dũng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHNKT  
số 1494-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2014 VND</b>	<b>Tại 01/01/2014 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>365.699.073.644</b>	<b>679.563.992.622</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>44.887.786.511</b>	<b>39.165.910.305</b>
Tiền	111		44.887.786.511	39.165.910.305
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>56.295.456.975</b>	<b>55.749.655.365</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	65.905.781.794	69.707.241.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>263.071.256.222</b>	<b>583.849.420.091</b>
Phải thu của khách hàng	131		286.000.000	-
Trả trước cho người bán	132		2.202.164.000	1.149.232.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	70.100.186.220	4.740.051.268
Các khoản phải thu khác	138		215.655.507.002	603.489.919.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(25.172.601.000)	(25.529.782.572)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.444.573.936</b>	<b>799.006.861</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		253.339.133	188.315.058
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.191.234.803	610.691.803
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>127.871.029.986</b>	<b>157.087.507.673</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.080.457.966</b>	<b>5.256.570.593</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.568.851.970	3.973.760.807
- Nguyên giá	222		18.379.151.117	19.064.430.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.810.299.147)	(15.090.669.310)
Tài sản cố định vô hình	227	10	511.605.996	1.282.809.786
- Nguyên giá	228		4.734.660.821	4.689.660.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.223.054.825)	(3.406.851.035)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>1.464.507.500</b>	<b>1.815.989.300</b>
- Nguyên giá	241		3.514.818.000	3.514.818.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.050.310.500)	(1.698.828.700)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>114.610.087.321</b>	<b>143.838.566.249</b>
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	11.519.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	103.455.125.000	127.403.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	(364.037.679)	(3.564.558.751)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.715.977.199</b>	<b>6.176.381.531</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		852.540.157	263.549.123
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	3.013.437.042	2.849.832.408
Tài sản dài hạn khác	268	8	4.850.000.000	3.063.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>493.570.103.630</b>	<b>836.651.500.295</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>121.529.719.531</b>	<b>449.996.403.089</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121.529.719.531</b>	<b>449.996.403.089</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	80.000.000.000	436.561.000.000
Phải trả người bán	312		83.160.388	55.634.800
Người mua trả tiền trước	313		21.553.500.000	117.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	106.567.144	207.158.257
Phải trả người lao động	315		431.675.000	771.470.097
Chi phí phải trả	316	14	58.972.222	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	4.071.724.184	9.986.489.067
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	14.799.446.043	1.333.805.790
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		22.800	52.971.737
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		424.651.750	657.921.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	233.170.621
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>372.040.384.099</b>	<b>386.655.097.206</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>372.040.384.099</b>	<b>386.655.097.206</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	657.921.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(30.403.887.158)	(16.447.095.051)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>493.570.103.630</b>	<b>836.651.500.295</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
		VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004	1.037.935.347	-
<b>Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>1.251.918.250.000</b>	<b>1.126.808.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	<i>007</i>	<i>591.530.820.000</i>	<i>543.728.100.000</i>
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.430.000	5.170.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	590.426.960.000	541.857.840.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.098.430.000	1.865.090.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	<i>012</i>	<i>201.160.000</i>	<i>847.460.000</i>
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	201.160.000	847.460.000
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	<i>017</i>	<i>562.876.530.000</i>	<i>560.333.050.000</i>
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	27.408.940.000	32.408.940.000
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	535.467.590.000	527.924.110.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>027</i>	<i>5.127.390.000</i>	<i>3.149.300.000</i>
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	4.203.990.000	-
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	923.400.000	3.149.300.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	<i>032</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	<i>037</i>	<i>137.370.000</i>	<i>856.980.000</i>
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	80.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	137.370.000	856.900.000
<i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	<i>042</i>	<i>92.044.980.000</i>	<i>17.893.110.000</i>
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	92.044.980.000	17.893.110.000
<b>Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>14.685.620.000</b>	<b>421.622.040.000</b>
<b>Trong đó:</b>			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	<i>051</i>	<i>14.685.620.000</i>	<i>210.811.020.000</i>
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	40.000	540.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	14.685.580.000	210.810.480.000



Huỳnh Văn Tốt  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Trường  
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai  
Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.870.983.569	2.744.690.819
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.956.362.749	9.198.748.781
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		317.542.792	94.545.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		341.761.994	554.752.577
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giả	01.7		-	23.556.000
Doanh thu khác	01.9		20.329.017.971	127.278.132.557
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>
<b>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư</b>	<b>14</b>		<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	25.816.456.928	137.446.462.480
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>999.212.147</b>	<b>2.447.963.709</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	14.767.511.993	27.794.076.721
<b>(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(13.768.299.846)</b>	<b>(25.346.113.012)</b>
Thu nhập khác	31	21	585.606.716	145.456.765
Chi phí khác	32	22	771.348.977	1.091.386.250
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(185.742.261)</b>	<b>(945.929.485)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(349)</b>	<b>(657)</b>



Huỳnh Văn Tốt  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Hữu Trường  
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(13.954.042.107)	(26.292.042.497)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		2.333.708.437	3.012.919.534
Các khoản dự phòng	03		(6.867.029.111)	8.092.280.166
Lãi hoạt động đầu tư	05		(1.968.111.759)	(12.108.644.377)
Chi phí lãi vay	06		26.375.797.488	130.263.732.365
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.920.322.948</b>	<b>102.968.245.191</b>
Tăng các khoản phải thu	09		318.695.341.460	1.449.996.787.309
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả	11		29.237.920.560	(1.176.351.411.937)
Giảm chi phí trả trước	12		(654.015.109)	214.694.903
Tiền lãi vay đã trả	13		(26.375.797.488)	(159.235.954.587)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		13.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.802.750.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>325.034.022.371</b>	<b>217.592.360.879</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.188.604.118)	(921.430.224)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	145.454.545
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.745.522.000)	(2.154.316.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		72.975.617.204	43.109.054.475
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.207.362.749	10.799.917.769
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>37.248.853.835</b>	<b>50.978.679.965</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.000.000.000	306.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(436.561.000.000)	(554.793.465.064)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(356.561.000.000)</b>	<b>(248.293.465.064)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>5.721.876.206</b>	<b>20.277.575.780</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		39.165.910.305	18.888.334.525
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	44.887.786.511	39.165.910.305



Huỳnh Văn Tốt  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Trường  
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai  
Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Tại 01/01/2013		Năm 2013		Năm 2014		Tại 31/12/2014	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
<b>Vốn chủ sở hữu</b>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		1.417.993.257	1.786.350.257	368.357.000	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính		289.564.000	657.921.000	368.357.000	-	-	657.921.000	657.921.000	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		289.564.000	657.921.000	368.357.000	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.2	13.222.987.417	(16.447.095.051)	-	29.670.082.468	-	13.956.792.107	(16.447.095.051)	(30.403.887.158)
<b>Cộng</b>		<b>415.220.108.674</b>	<b>386.655.097.206</b>	<b>1.105.071.000</b>	<b>29.670.082.468</b>	<b>-</b>	<b>14.614.713.107</b>	<b>386.655.097.206</b>	<b>372.040.384.099</b>



**Huỳnh Văn Tốt**  
**Tổng Giám đốc**

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

**Nguyễn Hữu Trường**  
**Kế toán trưởng**

**Đinh Tuyết Mai**  
**Người lập biểu**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Trụ sở chính: Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2013, Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội, đặt tại tầng 5, số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tuy nhiên, Chi nhánh Hà Nội đã đóng cửa theo Quyết định số 1040/QĐ-UBCK ngày 30/12/2014 của UBCKNN.

Tổng số nhân viên năm 2014 của Công ty là 48 người (năm 2013 là 84 người).

#### **1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 ngoại trừ việc áp dụng Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng, Thông tư số 119/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/08/2014 áp dụng từ ngày 01/09/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC và việc áp dụng Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

***Đầu tư chứng khoán ngắn hạn***

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh (cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu repo và trái phiếu chuyển đổi) được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc.

***Đầu tư tài chính dài hạn***

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP)**

***Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính***

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC nêu trên. Cụ thể như sau:

***Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:***

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:
  - Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
  - Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

***Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:***

Các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như Công ty Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh... và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tại ngày 31/12/2014, Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung dự phòng giảm giá với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tổng số tiền đầu tư dài hạn 20.315.625.000 đồng.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Trường hợp đánh giá các khoản công nợ có thể thu hồi được Công ty tiếp tục gia hạn nợ và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

##### **3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố hữu lực từ ngày 10/06/2013.. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<b>Số năm khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10
Phần mềm	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	1 - 5

##### **3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong vòng 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

***Doanh thu môi giới chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

***Doanh thu quản lý danh mục đầu tư***

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

***Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

***Doanh thu về vốn kinh doanh***

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

***Doanh thu từ hoạt động đầu tư***

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.10 GHI NHẬN CHI PHÍ**

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.11 THUẾ**

##### *Thuế Giá trị gia tăng*

Công ty áp dụng Thông tư số 219/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 áp dụng từ ngày 01/01/2014 và Thông tư số 119/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/08/2014 áp dụng từ ngày 01/09/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Theo Thông tư này thì hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

##### *Thuế Thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 22%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **3.12 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	552.304.220	102.086.946
Tiền gửi ngân hàng	44.335.482.291	39.063.823.359
Trong đó:		
+ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	41.760.327.079	30.888.533.073
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	2.575.155.212	8.175.290.286
<b>Cộng</b>	<b>44.887.786.511</b>	<b>39.165.910.305</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>56.295.456.975</b>	<b>55.749.655.365</b>
Chứng khoán thương mại (5.3)	65.905.781.794	69.707.241.998
+ Chứng khoán niêm yết	65.905.730.994	69.706.826.198
+ Chứng khoán chưa niêm yết	50.800	415.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>114.610.087.321</b>	<b>143.838.566.249</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	11.519.000.000	20.000.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	11.519.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	103.455.125.000	127.403.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	(364.037.679)	(3.564.558.751)
<b>Cộng</b>	<b>170.905.544.296</b>	<b>199.588.221.614</b>

**5.1 CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(364.037.679)	(3.564.558.751)
<b>Cộng</b>	<b>(9.974.362.498)</b>	<b>(17.522.145.384)</b>

**5.2 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Các giao dịch của công ty chứng khoán	4.140.789	53.089.969.700
Cổ phiếu	4.140.789	53.089.969.700
Các giao dịch của nhà đầu tư	132.464.466	1.688.874.468.000
Cổ phiếu	132.464.416	1.688.873.998.000
Chứng khoán khác	50	470.000
<b>Cộng</b>	<b>136.605.255</b>	<b>1.741.964.437.700</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị tương so với sổ sách		Giảm		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Tại		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014	
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	3.161.840	3.241.473	65.905.781.794	69.707.241.998	2.375.224	1.427.635	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)	49.346.015.500	55.751.083.000
Chứng khoán niêm yết	3.161.804	3.241.387	65.904.966.528	69.706.061.732	2.375.224	1.427.635	(9.609.679.153)	(13.956.551.367)	49.345.845.900	55.750.938.000
Sản GDCK Hà Nội	250	233	3.178.700	3.178.700	602.200	108.800	(498.900)	(1.666.500)	3.282.000	1.621.000
MAC	97	87	907.300	907.300	208.200	-	-	(472.300)	1.115.500	435.000
NGC	20	20	314.000	314.000	160.000	-	-	(40.000)	474.000	274.000
NHC	14	7	224.000	224.000	126.000	-	-	(77.700)	350.000	146.300
SSM	21	21	365.400	365.400	-	-	(102.900)	(178.500)	262.500	186.900
TPP	8	8	-	-	108.000	108.800	-	-	108.000	108.800
VCR	40	40	188.000	188.000	-	-	(56.000)	(88.000)	132.000	100.000
VE9	50	50	1.180.000	1.180.000	-	-	(340.000)	(810.000)	840.000	370.000
Sản GDCK TPHCM	3.161.554	3.241.154	65.901.787.828	69.702.883.032	1.773.024	1.318.835	(9.609.180.253)	(13.954.884.867)	49.342.563.900	55.749.317.000
ABT	2	2	81.800	81.800	23.200	-	-	(800)	105.000	81.000
AGR	1	1	12.500	12.500	-	-	(6.400)	(7.700)	6.100	4.800
BMC	12	12	189.600	189.600	129.600	294.000	-	-	319.200	483.600
CLC	9	9	153.900	153.900	129.600	121.500	-	-	283.500	275.400
CTG	4	4	84.800	84.800	-	-	(29.600)	(20.000)	55.200	64.800
DCT	5	5	44.000	44.000	-	-	(33.000)	(30.500)	11.000	13.500
DIG	7	6	217.200	217.200	-	-	(125.500)	(142.800)	91.700	74.400
DMC	9	6	171.000	171.000	198.000	112.800	-	-	369.000	283.800
DTL	5	5	100.000	100.000	-	-	(53.500)	(41.000)	46.500	59.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		Giảm		Tổng giá trị theo giá thị trường			
	31/12/2014		01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014	
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
EIB	220.399	9	2.650.704.103	130.412	-	-	-	(17.912)	-	-	112.500	
GIL	5	5	105.000	105.000	75.000	34.000	-	-	-	180.000	139.000	
GTT	3	3	29.556	29.556	-	6.444	(17.556)	-	-	12.000	36.000	
HAX	7	7	76.200	76.200	-	-	(15.300)	(46.800)	-	60.900	29.400	
HLG	5	5	51.000	51.000	-	-	(34.000)	(22.500)	-	17.000	28.500	
HPG	12	11	321.500	321.500	314.500	130.600	-	-	-	636.000	452.100	
HSG	2	2	33.400	33.400	61.600	49.200	-	-	-	95.000	82.600	
ITA	2	2	29.829	29.829	-	-	(13.829)	(16.629)	-	16.000	13.200	
ITC	5	5	110.500	110.500	-	-	(73.000)	(72.000)	-	37.500	38.500	
KDC	7	6	247.000	247.000	102.300	59.000	-	-	-	349.300	306.000	
LAF	1	1	22.800	22.800	-	-	(10.800)	(14.700)	-	12.000	8.100	
LCG	2	2	15.600	15.600	1.400	-	-	(2.800)	-	17.000	12.800	
MBB	1	1	26.180	26.180	-	-	(13.080)	(13.480)	-	13.100	12.700	
PGC	2	2	30.400	30.400	-	-	(3.200)	(5.200)	-	27.200	25.200	
PNJ	4	4	133.200	133.200	26.400	-	-	(10.800)	-	159.600	122.400	
PVD	9	9	500.732	500.732	79.768	48.268	-	-	-	580.500	549.000	
PVT	6	6	56.400	56.400	27.600	13.800	-	-	-	84.000	70.200	
REE	6	6	94.677	94.677	74.523	82.923	-	-	-	169.200	177.600	
SC5	27	27	420.800	420.800	259.600	200.200	-	-	-	680.400	621.000	
SFC	8	8	230.400	230.400	-	-	(14.400)	(38.400)	-	216.000	192.000	
SGT	5	5	53.500	53.500	-	-	(24.000)	(31.500)	-	29.500	22.000	
SJS	5	5	285.000	285.000	-	-	(159.500)	(192.500)	-	125.500	92.500	
STB	2.940.894	3.240.894	63.245.581.110	69.697.250.005	-	-	(9.608.376.514)	(13.953.873.205)	-	49.336.092.000	55.743.376.800	
STG	1	1	23.100	23.100	11.900	-	-	(4.300)	-	35.000	18.800	
TCM	6	6	128.400	128.400	63.600	-	-	(4.800)	-	192.000	123.600	
TCR	7	7	57.200	57.200	-	-	(12.400)	(29.900)	-	44.800	27.300	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 5.3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị trường so với sổ sách		Giá trị theo giá thị trường	
	Tại		Tăng		Giảm			
	31/12/2014	01/01/2014	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND
TLH	7	7	106.074	106.074	-	(43.774)	62.300	52.500
TMS	1	1	26.200	26.200	23.800	-	50.000	28.300
TNA	6	6	159.000	159.000	-	(3.000)	156.000	144.000
TS4	10	10	159.400	159.400	-	(51.400)	108.000	95.000
VCB	4	4	110.567	110.567	17.033	-	127.600	107.200
VTC	13	9	481.500	481.500	138.600	148.500	620.100	630.000
VPH	5	5	119.000	119.000	-	(66.500)	52.500	42.500
VSH	5	5	58.500	58.500	9.000	15.500	67.500	74.000
VTO	18	18	145.200	145.200	6.000	-	151.200	113.400
<b>UPCOM</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	<b>764.466</b>	<b>764.466</b>	<b>-</b>	<b>(594.866)</b>	<b>169.600</b>	<b>145.000</b>
HBD	10	10	242.247	242.247	-	(112.247)	130.000	112.000
VSP	22	22	522.219	522.219	-	(482.619)	39.600	33.000
<b>OTC</b>	<b>4</b>	<b>54</b>	<b>50.800</b>	<b>415.800</b>	<b>-</b>	<b>(50.800)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
MCV	4	4	50.800	50.800	-	(50.800)	-	-
SVS	-	50	-	365.000	-	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)**

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán				Giá trị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường			
	Tại		Tại		Tăng		Giảm		Tại		Tại		Tại	
	31/12/2014	01/01/2014	CP	CP	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
II. Chứng khoán đầu tư	115,19	200	VND	VND	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	115,19	200	VND	VND	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	115,19	200	VND	VND	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư	115,19	200	VND	VND	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng khoán Y tế														
Bán Việt														
<b>Cộng</b>	<b>3.161.955</b>	<b>3.241.673</b>	<b>77.424.781.794</b>	<b>89.707.241.998</b>	<b>2.375.224</b>	<b>1.427.635</b>	<b>(9.610.324.819)</b>	<b>(13.957.586.633)</b>	<b>60.865.015.500</b>	<b>75.751.083.000</b>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại	Tại	Tại	Tại
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	CP	CP	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>7.794.125</b>	<b>10.948.125</b>	<b>103.455.125.000</b>	<b>127.403.125.000</b>
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP ôtô Đô Thành	-	1.300.000	-	13.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt (*)	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh (*)	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Viễn Thông Đô Thành	-	400.000	-	4.000.000.000
Công ty CP TM Đầu tư Đô Thành	-	2.180.000	-	21.800.000.000
Công ty CP TMDV Đô Thành Tín	5.000.000	4.300.000	50.000.000.000	43.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	-	7.852.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.794.125</b>	<b>10.948.125</b>	<b>103.455.125.000</b>	<b>127.403.125.000</b>

(\*) Các khoản đầu tư dài hạn này chưa được đánh giá giá trị để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Tại 01/01/2014		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2014	
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Số quá hạn	Số khó đòi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu của khách hàng	-	-	286.000.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	1.149.232.000	-	2.788.215.916	1.735.283.916	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.740.051.268	-	902.954.704.915	837.594.569.963	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	4.740.051.268	-	902.954.704.915	837.594.569.963	-	-
4. Phải thu khác	603.489.919.395	-	55.624.726.904	443.459.139.297	215.655.507.002	28.547.926.050
- HĐ HTĐT chứng khoán niêm yết	15.472.000.454	-	15.472.000.454	2.535.419.954	12.936.580.500	12.936.580.500
- HĐ HTĐT CK chưa niêm yết	328.527.678.848	-	-	328.527.678.848	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư (1)	241.518.682.286	-	8.477.730.034	62.969.875.826	187.026.536.494	-
- Phải thu khác của nhà đầu tư (2)	16.005.215.702	-	26.944.490.959	27.338.361.111	15.611.345.550	15.611.345.550
- Phải thu khác - lãi sản chờ xử lý (3)	1.966.012.105	-	-	1.966.012.105	-	-
- Phải thu khác	330.000	-	20.202.505.911	20.121.791.453	81.044.458	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.529.782.572)	-	(680.753.773)	1.037.935.347	(25.172.601.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>583.849.420.091</b>	<b>-</b>	<b>960.972.893.960</b>	<b>1.283.826.928.523</b>	<b>263.071.256.222</b>	<b>28.547.926.050</b>

(1) Công ty ký hợp đồng ủy thác cho cá nhân thực hiện đầu tư trong đó Công ty cung cấp vốn và hưởng lãi suất cố định với tài sản đảm bảo là 20.839.811 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) và 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư). Trong đó số phải thu được đảm bảo bằng cổ phiếu STB có giá trị 174.966.816.994 đồng.

(2) Chủ yếu là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

(3) Năm 2013, Công ty đã thực hiện chuyển tiền vào tài khoản tạm giữ của Công an theo Công văn số 829/CAHK/ĐTTH ngày 31/07/2013 để khắc phục hậu quả sai phạm của nhân viên môi giới. Ông Phạm Văn Nam đã có quyết định thi hành án với mức án 17 năm tù. Theo đó, ngày 31/12/2014, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện xử lý tài chính đối với khoản phải thu này, được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính là 657.921.000 đồng, phần còn lại là 1.308.091.105 đồng đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, TP Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP)****6.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải thu phí bán của khách hàng	9.702.878	6.387.459
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	4.846.892.322	777.657.637
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	65.243.591.020	3.956.006.172
<b>Cộng</b>	<b>70.100.186.220</b>	<b>4.740.051.268</b>

**6.2 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	(25.529.782.572)	(15.330.952.550)
Số sử dụng trong năm	1.037.935.347	1.980.879.353
Số hoàn nhập/(trích lập) trong năm	(680.753.775)	(12.179.709.375)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(25.172.601.000)</b>	<b>(25.529.782.572)</b>

**7. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền nợ ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nợ bổ sung	2.250.397.707	2.250.397.707
Tiền lãi phân bổ	638.827.060	475.222.426
<b>Cộng</b>	<b>3.013.437.042</b>	<b>2.849.832.408</b>

**8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.850.000.000	3.063.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.850.000.000</b>	<b>3.063.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2014</b>	5.814.034.824	4.535.854.203	3.254.841.877	5.459.699.213	19.064.430.117
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(622.279.000)	(63.000.000)	(685.279.000)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>5.814.034.824</b>	<b>4.535.854.203</b>	<b>2.632.562.877</b>	<b>5.396.699.213</b>	<b>18.379.151.117</b>
<b>HAO MÔN LUY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2014</b>	(3.314.658.721)	(4.442.146.444)	(2.166.126.784)	(5.167.737.361)	(15.090.669.310)
Trích khấu hao trong năm	(584.745.232)	(83.804.701)	(380.688.170)	(116.784.744)	(1.166.022.847)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	383.393.010	63.000.000	446.393.010
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>(3.899.403.953)</b>	<b>(4.525.951.145)</b>	<b>(2.163.421.944)</b>	<b>(5.221.522.105)</b>	<b>(15.810.299.147)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2014</b>	2.499.376.103	93.707.759	1.088.715.093	291.961.852	3.973.760.807
<b>Tại 31/12/2014</b>	1.914.630.871	9.903.058	469.140.933	175.177.108	2.568.851.970

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 10.411.579.136 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2014	4.273.308.840	168.955.500	247.396.481	4.689.660.821
Tăng do mua mới	45.000.000	-	-	45.000.000
Tại 31/12/2014	<u>4.318.308.840</u>	<u>168.955.500</u>	<u>247.396.481</u>	<u>4.734.660.821</u>
<b>HAO MÓN LUỸ KẾ</b>				
Tại 01/01/2014	(2.990.499.054)	(168.955.500)	(247.396.481)	(3.406.851.035)
Trích khấu hao trong năm	(816.203.790)	-	-	(816.203.790)
Tại 31/12/2014	<u>(3.806.702.844)</u>	<u>(168.955.500)</u>	<u>(247.396.481)</u>	<u>(4.223.054.825)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2014	<u>1.282.809.786</u>	-	-	<u>1.282.809.786</u>
Tại 31/12/2014	<u>511.605.996</u>	-	-	<u>511.605.996</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 2.121.924.821 đồng.

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Bất động sản đầu tư VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2014	3.514.818.000	3.514.818.000
Tại 31/12/2014	<u>3.514.818.000</u>	<u>3.514.818.000</u>
<b>HAO MÓN LUỸ KẾ</b>		
Tại 01/01/2014	(1.698.828.700)	(1.698.828.700)
- Trích khấu hao trong năm	(351.481.800)	(351.481.800)
Tại 31/12/2014	<u>(2.050.310.500)</u>	<u>(2.050.310.500)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	<u>1.815.989.300</u>	<u>1.815.989.300</u>
Tại 31/12/2014	<u>1.464.507.500</u>	<u>1.464.507.500</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. VAY VÀ NỢ NGÂN HÀNG**

	Tại 01/01/2014	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Tại 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>107.500.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>107.500.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	107.500.000.000	80.000.000.000	107.500.000.000	80.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bán Việt - Hội sở (1)	107.500.000.000	80.000.000.000	107.500.000.000	80.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>329.061.000.000</b>	-	<b>329.061.000.000</b>	-
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	329.000.000.000	-	329.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (2)	329.000.000.000	-	329.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	61.000.000	-	61.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>436.561.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>436.561.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bán Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0004/06914/02.HDHMTD ký ngày 26/12/2014 với tổng hạn mức là 80.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 26/12/2014 đến 26/12/2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 24).

(2) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (Bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	10.144.967	1.536.365
Thuế Thu nhập cá nhân	96.422.177	205.621.892
<b>Cộng</b>	<b>106.567.144</b>	<b>207.158.257</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí quản lý cổ đông	58.972.222	19.781.720
<b>Cộng</b>	<b>58.972.222</b>	<b>19.781.720</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.168.972	38.176.128
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.466.400.000	1.773.022.653
<i>Phải trả cổ tức công ty BETA</i>	<i>1.466.400.000</i>	<i>1.466.400.000</i>
<i>Phải trả khác cho nhà đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>306.622.653</i>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.575.155.212	8.175.290.286
<b>Cộng</b>	<b>4.071.724.184</b>	<b>9.986.489.067</b>

**16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	62.263.514	20.533.444
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	54.438.829	60.756.346
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	14.682.743.700	1.252.516.000
<b>Cộng</b>	<b>14.799.446.043</b>	<b>1.333.805.790</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Theo đăng ký kinh doanh		Tại 31/12/2014
	Số vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND
Ông Nguyễn Văn Cự	106.497.660.000	26,62%	106.497.660.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18,46%	73.843.300.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	51.130.000.000	12,78%	51.130.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9,21%	36.850.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6,48%	25.925.000.000
Các cổ đông khác	31.754.040.000	7,94%	31.754.040.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>400.000.000.000</b>

**17.2 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM**

	Năm 2014 Số tăng/(giảm) VND	Năm 2013 Số tăng/(giảm) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(368.357.000)
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	(368.357.000)
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(368.357.000)
- Trích quỹ khen thưởng	-	(368.357.000)
- Chi phí truy thu thuế (*)	(2.750.000)	(1.904.611.971)
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm	(13.954.042.107)	(26.292.042.497)
<b>Cộng</b>	<b>(13.956.792.107)</b>	<b>(29.670.082.468)</b>

(\*) Chi phí truy thu thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

**18. DOANH THU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.870.983.569	2.744.690.819
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.956.362.749	9.198.748.781
- Cổ tức nhận được	406.058	4.567.035.613
- Chênh lệch lãi bán khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.955.956.691	4.631.713.168
Doanh thu lưu ký chứng khoán	341.761.994	554.752.577
Doanh thu hoạt động tư vấn	317.542.792	94.545.455
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	23.556.000
Doanh thu khác	20.329.017.971	127.278.132.557
<b>Cộng</b>	<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	920.698.214	703.011.468
Phí Lưu ký chứng khoán	662.217.590	770.728.335
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	1.246.493.895	2.368.298.431
Chi phí trả lãi tiền vay	26.434.769.710	130.263.732.365
Chi phí dự phòng	(7.547.782.886)	(2.106.549.856)
Chi phí tư vấn, môi giới	58.439.600	40.000.000
Chi phí khác	4.041.620.805	5.407.241.737
<b>Cộng</b>	<b>25.816.456.928</b>	<b>137.446.462.480</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.822.099.017	6.303.376.539
Chi phí vật liệu quản lý	139.196.430	247.022.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	508.771.922	178.026.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.982.226.637	2.640.238.206
Thuế phí, lệ phí	4.800.000	130.569.650
Chi phí dự phòng	680.753.775	10.198.830.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.508.864.777	6.450.267.732
Chi phí bằng tiền khác	2.120.799.435	1.645.745.565
<b>Cộng</b>	<b>14.767.511.993</b>	<b>27.794.076.721</b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	251.000.000	145.454.545
Thu nhập khác	334.606.716	2.220
<b>Cộng</b>	<b>585.606.716</b>	<b>145.456.765</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	238.885.990	-
Phạt vi phạm hành chính	532.462.986	1.018.040.461
Chi phí khác	1	73.345.789
<b>Cộng</b>	<b>771.348.977</b>	<b>1.091.386.250</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(26.738.462.059)	(2.518.356.042)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.072.342.538	2.048.679.571
- Các khoản điều chỉnh giảm	(28.810.804.597)	(4.567.035.613)
Chuyển lỗ năm 2013	(28.810.398.539)	-
Cổ tức nhận được	(406.058)	(4.567.035.613)
Tổng thu nhập chịu thuế	(40.692.504.166)	(28.810.398.539)
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.887.786.511	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	56.295.456.975	55.749.655.365
- Cổ phiếu niêm yết	56.295.406.175	55.749.239.565
Các khoản phải thu ngắn hạn	260.869.092.222	582.700.188.091
Đầu tư chứng khoán dài hạn	11.519.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	110.954.524.363	129.751.398.657
<b>Cộng</b>	<b>484.525.860.071</b>	<b>827.367.152.418</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	80.000.000.000	436.561.000.000
Phải trả người bán	83.160.388	55.634.800
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.799.446.043	1.333.805.790
Chi phí phải trả	58.972.222	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.041.578.012	10.001.284.676
<b>Cộng</b>	<b>98.983.156.665</b>	<b>447.971.506.986</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>385.542.703.406</b>	<b>379.395.645.432</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0004/06914/02.HĐTĐHM ngày 26/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm: 7.339.719 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) trong đó:

- 1.740.894 cổ phiếu STB do Công ty đứng tên sở hữu.
- 5.598.825 cổ phiếu STB do Bà Phạm Thị Ngọc Quyên đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 115.233.588.300 đồng.

**Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác**

Đối với các hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân, tài sản thế chấp là 20.839.811 cổ phiếu mã STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) và 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO (TIẾP)**

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000
Phải trả người bán	83.160.388	-	-	83.160.388
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.799.446.043	-	-	14.799.446.043
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	4.041.578.012	-	-	4.041.578.012
<b>Cộng</b>	<b>18.983.156.665</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>98.983.156.665</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	-	436.561.000.000	-	436.561.000.000
Phải trả người bán	55.634.800	-	-	55.634.800
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.333.805.790	-	-	1.333.805.790
Chi phí phải trả	-	19.781.720	-	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	10.001.284.676	-	-	10.001.284.676
<b>Cộng</b>	<b>11.390.725.266</b>	<b>436.580.781.720</b>	<b>-</b>	<b>447.971.506.986</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.887.786.511	-	-	44.887.786.511
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	56.295.456.975	-	-	56.295.456.975
Các khoản phải thu ngắn hạn	260.869.092.222	-	-	260.869.092.222
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	7.863.437.042	-	103.091.087.321	110.954.524.363
<b>Cộng</b>	<b>369.915.772.750</b>	<b>-</b>	<b>114.610.087.321</b>	<b>484.525.860.071</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.165.910.305	-	-	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	-	-	55.749.655.365
Các khoản phải thu ngắn hạn	582.700.188.091	-	-	582.700.188.091
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	5.912.832.408	-	123.838.566.249	129.751.398.657
<b>Cộng</b>	<b>683.528.586.169</b>	<b>-</b>	<b>143.838.566.249</b>	<b>827.367.152.418</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014
			VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, thành viên	Giá trị giao dịch bán chứng khoán	6.022.121.000
		Giá trị giao dịch mua chứng khoán	1.002.064.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán	742.960.000
		Giá trị giao dịch bán chứng khoán	1.232.090.000
Ngân hàng TMCP Bán Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay	12.728.364.646
		Trả nợ vay	107.500.000.000
		Nhận tiền vay	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay	13.704.801.370
		Trả nợ vay trái phiếu	329.000.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Giá trị giao dịch bán chứng khoán	4.874.172.000
		Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	6.100.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	4.000.000.000
		Giá trị giao dịch bán chứng khoán	27.560.598.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	13.233.183.006
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	5.400.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Khoản phải thu	Tại 31/12/2014
			VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	80.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	33.766.816.994	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	667.084.803	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HDQT	Tạm ứng	350.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	40.000.000.000	-
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	45.900.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	30.000.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	70.740.575	423.341.740
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Ban Kiểm soát	1.098.854.769	1.343.200.923
<b>Cộng</b>	<b>1.169.595.344</b>	<b>1.766.542.663</b>

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.



Huỳnh Văn Tốt  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Hữu Trường  
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai  
Người lập biểu